

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**



BÁO CÁO

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**

ĐỢT 3 NĂM 2023

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

VĨNH PHÚC, THÁNG 09 NĂM 2023

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**



BÁO CÁO

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUYỆT
MINH 2 DAIKI ALUMINIUM**

Thời gian quan trắc: ngày 18 tháng 09 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



**GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Lan**

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Chang**

VĨNH PHÚC, THÁNG 09 NĂM 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU	4
1.1. Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc	4
1.1.1. Căn cứ thực hiện	4
1.1.2. Phạm vi và nội dung các công việc	4
1.1.3. Tần suất thực hiện	5
1.1.4. Thời gian thực hiện	5
1.2. Giới thiệu hoạt động của cơ sở (Phụ lục 1)	5
1.3.1. Đơn vị tư vấn	5
CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	6
2.1. Tổng quan vị trí quan trắc.....	6
2.1.1. Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện của nhiệm vụ.....	6
2.2. Danh mục các thông số quan trắc.....	6
2.3. Danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm.....	6
2.3.1. Thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm	6
2.4. Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu	8
2.4.1. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản, vận chuyển khí thải công nghiệp	8
2.4.2. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản, vận chuyển mẫu nước	8
2.5. Danh mục phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	8
2.5.1. Phương pháp đo tại hiện trường	8
2.5.2. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm	9
2.6. Mô tả địa điểm quan trắc	10
2.7. Thông tin lấy mẫu.....	11
2.8. Công tác QA/QC trong quan trắc	11
2.8.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc.	11
2.8.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị.....	11
2.8.3. QA/QC tại hiện trường.	12
2.8.4. QA/QC trong phòng thí nghiệm.	13
2.8.5. Hiệu chuẩn thiết bị.	13
CHƯƠNG III: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC.....	15
CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	23
CHƯƠNG VI: PHỤ LỤC	24
PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	24
PHỤ LỤC 2	25

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu	Tên ký hiệu
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
2	BYT	Bộ y tế
3	CN	Chi nhánh
4	CP	Cổ phần
5	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
6	PTĐ	Phương tiện đo
7	PTN	Phòng Thí Nghiệm
8	QA	Bảo đảm chất lượng (quality assurance)
9	QC	Kiểm soát chất lượng (quality control)
10	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
11	QĐ	Quyết định
12	QH	Quốc hội
13	SMEWW	Tiếng Anh: Standard Methods for the Examination of Water and Waste Water Tiếng Việt: Các phương pháp chuẩn xét nghiệm nước và nước thải.
14	TT	Thông tư
15	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

DANH MỤC NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm chính:

A. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium

Đại diện: Bà Trần Ngọc Lan

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

B. Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát

Đại diện: Bà Ngô Thị Chang

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng phân tích: Tầng 4, phòng 401, tòa nhà Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc, KCN Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường vimcerts 233.

2. Những người tham gia thực hiện chính:

TT	Người thực hiện	Chuyên môn	Nội dung công việc
1	Nguyễn Trung Dũng	Kỹ sư máy và thiết bị hóa chất	Trưởng nhóm Quan Trắc
2	Nguyễn Quang Trường	Kỹ sư máy và thiết bị hóa chất	Kỹ thuật viên lấy mẫu hiện trường
3	Nguyễn Văn Hùng	Kỹ sư Môi Trường	Kỹ thuật viên lấy mẫu hiện trường
4	Dương Tuấn Hiệp	Kỹ sư máy và thiết bị hóa chất	Kỹ thuật viên lấy mẫu hiện trường
5	Phan Văn Huấn	Cử nhân công nghệ hóa học	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm – QA/QC
6	Nguyễn Thị Kim Huệ	Cử nhân hóa	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
7	Nguyễn Anh Thúy	Kỹ sư hóa	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
8	Đỗ Thị Ngân	Cử nhân công nghệ hóa học	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
9	Đỗ Thị Huyền Linh	Kỹ sư hóa	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm
10	Tạ Hải Anh	Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật viên phân tích phòng thí nghiệm

CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc

Quan trắc môi trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường, giúp cho các nhà quản lý xác định rõ các mục tiêu, chiến lược bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội theo hướng phát triển bền vững.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. luôn nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Thực hiện hợp đồng của Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Môi Trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium, với Công ty cổ phần Môi trường Vinh Phát về việc Quan trắc, giám sát môi trường định kỳ đợt 3 năm 2023 cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. Ngày 18/09/2023 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. đã cùng với Công ty cổ phần Môi trường Vinh Phát tiến hành quan trắc lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường theo chương trình quan trắc môi trường định kỳ đợt 3 năm 2023.

1.1.1. Căn cứ thực hiện

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Hợp đồng của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium với Công ty Cổ phần môi trường Vinh Phát về việc Quan trắc, giám sát môi trường định kỳ Đợt 3 năm 2023 cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.

1.1.2. Phạm vi và nội dung các công việc

a. Khu vực thực hiện quan trắc

- Lấy mẫu quan trắc môi trường tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh: Tái chế nhôm phế thải.

b. Nội dung thực hiện quan trắc môi trường Đợt 3 năm 2023

- Lấy mẫu quan trắc môi trường:
 - + Quan trắc môi trường: Mẫu nước thải cơ sở 1;
 - + Quan trắc môi trường: Mẫu nước thải cơ sở 2
 - + Quan trắc khí thải lò nhôm
- Phân tích các chỉ tiêu môi trường.
- Tổng hợp kết quả, lập báo cáo

1.1.3. Tần suất thực hiện

Quan trắc giám sát môi trường thực hiện định kỳ 03 tháng/lần đối với môi trường khí thải ống khói và nước thải.

1.1.4. Thời gian thực hiện

- Thời gian lấy mẫu: 18/09/2023.
- Thời gian phân tích: 18/09/2023 đến 30/09/2023

1.2. Giới thiệu hoạt động của cơ sở (Phụ lục 1)

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.

Đại diện: Bà Trần Ngọc Lan Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh: Tái chế nhôm phế thải.

Các nguồn phát sinh chất thải của Công ty bao gồm:

- **Khí thải:** - Khí thải lò nhôm.
- **Nước thải:**
 - Mẫu nước thải cơ sở 1;
 - Mẫu nước thải cơ sở 2

1.3. Đơn vị tham gia quan trắc:

1.3.1. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

- Đại diện: Bà Ngô Thị Chang Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Địa chỉ : Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
- ĐT: 0898.930.888 Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 233

CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

2.1. Tổng quan vị trí quan trắc

2.1.1. Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện của nhiệm vụ

Tại khu vực Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium., thuộc KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

2.1.2. Loại quan trắc

Quan trắc môi trường tác động, quan trắc chất phát thải.

2.2. Danh mục các thông số quan trắc

Các thông số quan trắc giám sát môi trường Đợt 3 năm 2023 của Công ty

STT	Nhóm thông số	Thông số
1	Thành phần môi trường nước	NT1: BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, clo dư, Dầu mỡ khoáng NT2: lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, clo dư, Dầu mỡ khoáng, As, Hg, Pb, Cd, Cr III, Cr VI, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, phenol, CN-, florua, sunfua, PCBs, coliform, hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .
2	Thành phần môi trường khí thải	KT: Bụi silic, Cu, Pb, Zn, nhiệt độ, áp suất, lưu lượng, bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ , O ₂

2.3. Danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm

2.3.1. Thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm

Danh mục thiết bị quan trắc, phân tích

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sinh hoạt	Tần suất hiệu chuẩn
I	Thiết bị quan trắc hiện trường			
1.	Máy đo khí thải	Testo 350	Đài Loan	1 lần/năm
2.	Máy đo oxy hòa tan	HANNA HI 9142	Đài Loan	1 lần/năm
3.	Bơm lấy mẫu khí	C2P	Đài Loan	1 lần/năm
4.	Thiết bị đo tốc độ gió, nhiệt độ	Extech 45118	VWR - USA	1 lần/năm
5.	Máy đo vi khí hậu Kestrel 3500	Kestrel 3500	USA	1 lần/năm
6.	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	HI 9564	SKC-USA	1 lần/năm
7.	Máy đo đa chỉ tiêu trong nước	Hanna HI 9811-5	Balmax- USA	1 lần/năm
8.	Máy định vị GPS eTrex 10	Etrex 10	Hoshiba- Nhật	1 lần/năm
9.	Máy đo độ ồn	Extech 407730	Đài Loan	1 lần/năm
10.	Máy đo độ rung	ACO 3233	Nhật	1 lần/năm
11.	Bơm lấy mẫu khí lưu lượng thấp	SBA	Việt nam	1 lần/năm
12.	Bộ dụng cụ lấy mẫu đất	Pelican 1750	Mỹ	1 lần/năm
13.	Bộ lấy mẫu trầm tích	Wildlife	Mỹ	1 lần/năm
14.	Bơm lấy mẫu bụi Staplex	Staplex	Mỹ	1 lần/năm

TT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sinh hoạt	Tần suất hiệu chuẩn
15.	Máy đo lưu tốc dòng chảy	Flowatch	Mỹ	1 lần/năm
16.	Máy đo ánh sáng	Easy View 30	Mỹ	1 lần/năm
17.	Bộ lấy mẫu khí thải Isokinetic	Isokinetic EPA 5	Mỹ	1 lần/năm
18.	Bộ lấy mẫu VOCs	UNI-VOS	Mỹ	1 lần/năm
II Thiết bị phòng phân tích				
1.	Cân phân tích	PA214	Ohaus- Mỹ	1 lần/năm
2.	Bếp phá mẫu COD	ECO25	Italia	1 lần/năm
3.	Tủ sấy	101-1A	Trung Quốc	1 lần/năm
4.	Máy đo quang	UV- VIS PC 2401	Nhật Bản	1 lần/năm
5.	Máy cất nước 1 lần	YAZD-5	Trung Quốc	1 lần/năm
6.	Tủ hút khí độc	THK 01	Việt Nam	1 lần/năm
7.	Bình hút ẩm	THA 01	Trung Quốc	1 lần/năm
8.	Bếp đun cách thủy	HH -S4	Trung Quốc	1 lần/năm
9.	Nhiệt ẩm kế	NK 01	Trung Quốc	1 lần/năm
10.	Tủ lạnh bảo quản mẫu - Nhiệt kế thủy tinh	VH-358K	Việt nam	1 lần/năm
11.	Bếp điện	LY8001	Trung quốc	1 lần/năm
12.	Bộ cất xianua	PYEX 3550C	Đức	-
13.	Bộ cất sunfua	-	Việt nam	-
14.	Bộ chiết soxhlet	-	Việt nam	-
15.	Bộ cất sunfua	-	Việt nam	-
16.	Bộ cất Phenol	-	Việt nam	-
17.	Bộ phá mẫu đất thủy tinh	-	Việt nam	-
18.	Bộ Nito Kjeldahl	-	Việt nam	-
19.	Máy khuấy	85-2	Trung Quốc	-
20.	Bơm hút chân không	VE 125	Việt nam	1 lần/năm
21.	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	Aanalyst 800	Perkin Elmer	1 lần/năm
22.	Hệ thống sắc ký khí GC	HP 6890	Hewlett Packard	1 lần/năm
23.	Tủ an toàn sinh học cấp 2	11231BBC86	Trung quốc	1 lần/năm
24.	Nồi hấp tiệt trùng	DGL-50B	Trung quốc	1 lần/năm
25.	Nồi hấp tiệt trùng	DG-S280C	Trung quốc	1 lần/năm
26.	Tủ âm vi sinh	303-1AB	Trung quốc	1 lần/năm
27.	Kính hiển vi 2 mắt	XSZ-107BN	Trung quốc	1 lần/năm
28.	Tủ âm BOD	BIOBASE	Trung quốc	1 lần/năm
29.	Bể rửa siêu âm	VGT-1990QTD	Trung quốc	1 lần/năm
30.	Máy đo DO để bàn	HI 7641/4	Mỹ	1 lần/năm
31.	Tủ lạnh	Seko	Nhật	1 lần/năm
32.	Máy cất nước hai lần	AQUA- ON 4D	ấn độ	1 lần/năm

2.4. Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu

2.4.1. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản, vận chuyển khí thải công nghiệp

- a. *Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:* Mẫu được lấy và bảo quản theo các tiêu chuẩn hiện hành, gồm:

EPA Method 5: Determination of particulate matter emissions from stationary sources - Xác định bụi trong khí thải từ nguồn cố định.

- b. *Phương pháp vận chuyển mẫu khí*

Mẫu khí sau khi được lấy sẽ được đựng vào túi chứa khí có van khóa và lọ chuyên biệt có nút xoắn, dán nhãn thể hiện đầy đủ các thông tin về: Ký hiệu mẫu, thời gian lấy mẫu và được bảo quản lạnh, mẫu sau đó được vận chuyển về phòng thí nghiệm và phân tích trong vòng 24 giờ.

2.4.2. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản, vận chuyển mẫu nước

- a. *Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:* Mẫu được lấy và bảo quản theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, gồm:

TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu .

TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) - Chất lượng nước- Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.

TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012)- Chất lượng nước-Lấy mẫu. Bảo quản và xử lý mẫu nước .

TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006): - Chất lượng nước - Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật

- b. *Phương pháp vận chuyển mẫu*

Mẫu nước sau khi lấy được đựng trong chai thủy tinh màu đen có nút xoắn, chai nhựa 0,5 lít, chai nhựa 1 lít dán nhãn thể hiện đầy đủ các thông tin về: Ký hiệu mẫu, thời gian lấy mẫu, phương pháp bảo quản. Các thông số đo nhanh hiện trường được thực hiện ngay tại địa điểm lấy mẫu, mẫu sau khi lấy xong được tiến hành bảo quản theo yêu cầu của từng thông số quan trắc và được vận chuyển về phòng thí nghiệm ngay trong ngày bằng xe ô tô chuyên phục vụ quan trắc và được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng mẫu.

2.5. Danh mục phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm

2.5.1. Phương pháp đo tại hiện trường

Phương pháp đo tại hiện trường

STT	Tên thông số	Phương pháp đo	Dải đo
I	Phương pháp đo các chỉ tiêu môi trường nước		
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Lưu lượng	SOP /MTVP/HT02	0 ÷ 10.000 m ³ /h

STT	Tên thông số	Phương pháp đo	Dải đo
II	Phương pháp đo các chỉ tiêu môi trường khí thải:		
1	Nhiệt độ	SOP/MTVP/KT1	0 ÷ 1.000 °C
2	Áp suất	SOP/MTVP/KT2	850 ÷ 1.100 mBar
3	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 4.521.600 m ³ /h

2.5.2. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

- Các thông số đo nhanh để được thực hiện đo tại hiện trường
- Các thông số còn lại được lấy mẫu mang về đo, phân tích tại phòng thí nghiệm áp dụng các TCVN, ISO, EPA,...

Chi tiết danh mục các phương pháp phân tích được trình bày tại bảng sau đây.

Phương pháp đo tại phòng thí nghiệm

TT	Thông số	Phương pháp phân tích
I	Nước thải : Mẫu nước thải cơ sở 1	
1	BOD ₅ (20 °C)	TCVN 6001-1:2008
2	COD	SMEWW 5220C:2017
3	TSS	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017
5	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	TCVN 6179-1:1996
6	Tổng N	TCVN 6638:2000
7	Tổng P	TCVN 6202:2008
8	Clo dư	TCVN 6225-3:2011
II	Nước thải: Mẫu nước thải cơ sở 2	
1	Lưu lượng	SOP/MTVP/HT02
2	Nhiệt độ	SMEW 2550B:2017
3	Độ màu	TCVN 6185:2015
4	pH	TCVN 6492:2011
5	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008
6	COD	SMEWW 5220C:2017
7	TSS	TCVN 6625:2000
8	As	SMEWW 3113B:2017
9	Hg	TCVN 7877:2008
10	Pb	SMEWW 3113B:2017
11	Cd	SMEWW 3113B:2017
12	Cr VI	SMEWW 3500 Cr-B:2017
13	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113 B:2017 + SMEWW 3500 Cr-B:2017
14	Cu	SMEWW 3111B:2017
15	Zn	SMEWW 3111B:2017
16	Ni	SMEWW 3113B:2017
17	Mn	SMEWW 3111B:2017
18	Fe	TCVN 6177:1996
19	Tổng phenol	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017

TT	Thông số	Phương pháp phân tích
21	Sunfua	TCVN 6637:2000
22	Florua	SMEWW 4500 F-B&D:2017
23	Tổng CN-	TCVN 6181:1996
24	Amoni	TCVN 6179-1:1996
25	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000
26	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008
27	Clo dư	TCVN 6225-3:2011
28	Coliforms	TCVN 6187-2:1996
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ (Aldrin)	US EPA method 3510C+ EPA method 3620C + EPA method 8270D
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ(Malathion)	
31	PCB (28)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 8879:2011+ TCVN 6053:2011
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 8879:2011+ TCVN 6219:2011
III	Khí thải	
1	Nhiệt độ	SOP/MTVP/KT1
2	Áp suất	SOP/MTVP/KT2
3	Lưu lượng	US EPA Method 2
4	Bụi tổng	US EPA Method 5
5	CO	SOP/MTVP/KT4
6	SO ₂	SOP/MTVP/KT6
7	NO ₂	SOP/MTVP/KT5
8	O ₂	SOP/MTVP/KT3
9	Bụi silic	US EPA Method 5 + NIOSH Method 7603 + NIOSH Method 7602
10	Cu	US EPA Method 29
11	Zn	
12	Pb	

2.6. Mô tả địa điểm quan trắc

Danh mục điểm quan trắc giám sát môi trường Đợt 3 năm 2023

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Loại quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Tọa độ	
					X	Y
A	Thành phần môi trường nước					
1	Nước thải	NT1	Quan trắc chất phát thải	Mẫu nước thải cơ sở 1	2352820	569447
2		NT2		Mẫu nước thải Cơ Sở 2	2352023	569424
B	Thành phần môi trường khí thải					
1	Khí thải	KT	Quan trắc chất phát thải	Khí thải lò nhôm.	2352836	569407

2.7. Thông tin lấy mẫu

- + Quá trình lấy mẫu được trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện và nhân lực.
- + Tại thời điểm đoàn quan trắc tiến hành lấy mẫu cơ sở đang sản xuất bình thường.

Điều kiện lấy mẫu tại hiện trường

TT	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Điều kiện lấy mẫu	Tên người lấy mẫu
1	KT	18/09/2023	Trời nắng	Cơ sở đang hoạt động bình thường	Nguyễn Văn Hùng
2	NT1				
3	NT2				

2.8. Công tác QA/QC trong quan trắc

2.8.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc.

Trước khi tiến hành lấy mẫu, công ty lập kế hoạch quan trắc bao hàm các nội dung chính như sau:

- Xác định nội dung nhiệm vụ đợt quan trắc.
- Địa điểm quan trắc.
- Các loại mẫu cần lấy.
- Các thông số cần đo đạc
- Thời gian thực hiện.
- Nhu cầu về nhân lực tham gia.
- Trang thiết bị huy động cho công tác lấy mẫu.
- Lập kế hoạch lấy mẫu.
- Phương pháp lấy mẫu và phân tích.
- Kinh phí cho chương trình quan trắc và QA/QC.
- Các vấn đề đảm bảo an toàn con người, thiết bị cho các hoạt động quan trắc nhất là quan trắc bao gồm các biện pháp, phương tiện bảo đảm an toàn (người và thiết bị).

2.8.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị.

- Các khâu chuẩn bị cho chương trình quan trắc được thực hiện đầy đủ từ lên kế hoạch quan trắc bao gồm các nội dung:

- + Chuẩn bị tài liệu (Các loại bản đồ, thông tin chung về khu vực lấy mẫu, các loại phiếu điều tra,...).
- + Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị, hóa chất (Dụng cụ, thiết bị đo, thuốc thử, thiết bị lấy mẫu, thiết bị đựng, bảo quản và vận chuyển mẫu, thiết bị bảo hộ, lao động...)
- + Chuẩn bị kinh phí (Công tác phí).

Trong quá trình chuẩn bị thực hiện lấy mẫu, Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát phân công cụ thể trưởng đoàn quan trắc, nhân lực bảo đảm cho quan trắc. Công ty Cổ phần Môi trường Vinh Phát đảm nhiệm công tác chuẩn bị về thiết bị, hóa chất quan trắc theo chương trình quan trắc đã được duyệt.

2.8.3. QA/QC tại hiện trường.

*** Công tác đảm bảo chất lượng (QA)**

- + Các nhân viên lấy mẫu đều đã được đào tạo và tập huấn.
- + Chuẩn bị công tác thực địa chu đáo: dụng cụ, thiết bị, hoá chất thuốc thử bảo quản mẫu phải đầy đủ và phù hợp.
- + Đảm bảo rằng các phương pháp lấy mẫu đều được phổ biến tới tất cả các nhân viên ở trong nhóm quan trắc.
- + Đảm bảo rằng mỗi một bước lấy mẫu hiện nay và quá trình lấy mẫu trước đây đều tuân theo một phương pháp.
- + Đảm bảo rằng dụng cụ lấy mẫu và máy móc đo đạc hiện trường phải được bảo trì và hiệu chuẩn định kỳ, sổ sách bảo trì được lưu giữ.
- + Quy định thống nhất về nhận dạng mẫu được lấy bao gồm dán nhãn lên tất cả các mẫu được lấy, trên đó ghi chép chính xác ngày tháng, địa điểm, thời gian lấy mẫu và tên người lấy mẫu, số mã hiệu của mẫu bằng mực không thấm nước.
- + Quy định về ghi chép lại tất cả các chi tiết có liên quan đến việc lấy mẫu vào biên bản/nhật ký lấy mẫu, những điều kiện và các biến động bất thường từ kỹ thuật lấy mẫu thông thường đến những yêu cầu đặc biệt.
- + Quy định về điều kiện, nơi để các dụng cụ tránh làm nhiễm bẩn mẫu, làm sạch dụng cụ lấy mẫu, kiểm tra độ sạch và hiệu quả của dụng cụ (bằng cách phân tích mẫu trắng và mẫu so sánh thích hợp).
- + Quy định về tiến hành bảo quản mẫu cho từng thông số chất lượng nước, trầm tích, phù du, vi sinh vật ... theo các chỉ dẫn trong các tiêu chuẩn tương ứng.
- + Bảo đảm độ chính xác của các phép đo, phân tích ngoài hiện trường khi các điều kiện môi trường không được đảm bảo. Các thông số hiện trường (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất...) cần phải ghi chép khi lấy mẫu để chuyển đổi các giá trị đo được về điều kiện tiêu chuẩn khi lập báo cáo.

*** Công tác kiểm soát chất lượng (QC)**

Kiểm soát chất lượng hiện trường yêu cầu phải tiến hành lấy các loại mẫu trắng, mẫu đúp nhằm kiểm tra mức độ tinh khiết của hoá chất dùng làm chất bảo quản, kiểm tra mức độ nhiễm bẩn của dụng cụ lấy, chứa mẫu, giấy lọc hay các thiết bị khác có liên quan đến công việc thu, bảo quản và vận chuyển mẫu. Mẫu lặp cũng được thu nhằm kiểm tra mức độ tái lập của việc lấy mẫu. Thời gian và tần suất lấy mẫu trắng, mẫu đúp và mẫu lặp được xác định khi thiết kế chương trình. Khoảng 10 lần thu mẫu, tiến hành thu 1 lần các loại , tỷ lệ mẫu QC chiếm khoảng 10% tổng lượng mẫu.

2.8.4. QA/QC trong phòng thí nghiệm.

*** QA:**

- Nhân viên phòng thí nghiệm: Có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ trong văn bản được cấp có thẩm quyền ký.
- Tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng PTN (Sổ tay chất lượng, Thủ tục hướng dẫn quy trình thực hiện, các biểu mẫu, hướng dẫn...).
- Kiểm soát tài liệu, hồ sơ PTN.
- Đánh giá nội bộ hoạt động PTN: 01 lần/năm.
- Phương pháp thử nghiệm: TCVN, APHA, EPA..., các phương pháp đều được phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng (được rà soát 01 năm/lần hoặc khi có bất kỳ sự thay đổi nào).
- Trang thiết bị PTN: Được định kỳ hiệu chuẩn, kiểm tra theo quy định.
- Điều kiện tiện nghi và môi trường bảo đảm không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm.
- Các mẫu chuẩn đã được chứng nhận để kiểm soát chất lượng.
- Tham gia so sánh liên phòng thí nghiệm và thử nghiệm thành thạo quy trình phân tích hàng năm theo yêu cầu của các thông tư, QCVN ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thực hiện phân tích trên các phương pháp và thiết bị khác nhau (đối với các chỉ tiêu được công nhận cả 02 phương pháp sử dụng để kiểm tra chéo);
- Phân tích các loại mẫu được lưu giữ (còn đáp ứng được thời gian theo quy định)
- Xem xét sự tương quan giữa kết quả phân tích với đặc trưng cảm quan của mẫu.

*** QC:**

Để kiểm soát chất lượng PTN, Trung tâm đã sử dụng các loại mẫu QC như: mẫu trắng (mẫu trắng thiết bị, vận chuyển, thiết bị, phương pháp), mẫu lặp, mẫu thêm chuẩn, mẫu chuẩn đối chứng và chuẩn kiểm tra.

Kiểm tra chất lượng bằng cách sử dụng phương pháp thống kê, đưa ra các giới hạn để so sánh đối chiếu kết quả, phải xác định sai số chấp nhận được.

2.8.5. Hiệu chuẩn thiết bị.

Là hoạt động xác định, thiết lập mối quan hệ giữa giá trị đo của chuẩn đo lường, phương tiện đo với giá trị của đại lượng cần đo.

Hai yếu tố quan trọng của hiệu chuẩn

- Độ KĐBĐ
- Điều kiện môi trường hiệu chuẩn

Sau khi hiệu chuẩn PTĐ được cấp giấy chứng nhận và được dán tem, trên cơ sở đó PTN có thể quyết định tiếp tục sử dụng PTĐ nữa hay không.

Hiệu chuẩn giúp giảm thiểu độ lệch của thiết bị, khẳng định thiết bị đó đang hoạt động ổn định và sai số nằm trong giới hạn cho phép. Vì vậy, tất cả các thiết bị cần phải được hiệu chuẩn trong khoảng thời gian phù hợp.

- Độ ổn định của thiết bị phụ thuộc vào:

- Ứng dụng của thiết bị
- Điều kiện môi trường sử dụng

Sau khi hiệu chuẩn PTĐ được cấp giấy chứng nhận và được dán tem, trên cơ sở đó PTN có thể quyết định tiếp tục sử dụng PTĐ nữa hay không.

Hiệu chuẩn giúp giảm thiểu độ lệch của thiết bị, khẳng định thiết bị đó đang hoạt động ổn định và sai số nằm trong giới hạn cho phép. Vì vậy, tất cả các thiết bị cần phải được hiệu chuẩn trong khoảng thời gian phù hợp.

- Độ ổn định của thiết bị phụ thuộc vào:

- Ứng dụng của thiết bị
- Điều kiện môi trường sử dụng
- Thời gian sử dụng thiết bị

- Tầm quan trọng của PTĐ được hiệu chuẩn

➢ Đảm bảo sự hiển thị số đo của PTĐ phù hợp với các phép đo khác

➢ Xác định độ KĐBĐ của PTĐ, yếu tố giúp cho việc đánh giá độ KĐBĐ tổng hợp cho các thông số phân tích.

- Thiết lập sự tin cậy của PTĐ

• Các thiết bị của công ty được hiệu chuẩn trong khoảng thời gian cố định trong năm, chu kỳ hiệu chuẩn Trung tâm thường thực hiện theo quy định AGL 03- Yêu cầu chung của PTN trong lĩnh vực Hóa do BoA ban hành và quy định của nhà sản xuất.

• Kế hoạch hiệu chuẩn định kỳ hàng năm được công ty xây dựng vào quý 1 của năm đó, kế hoạch hiệu chuẩn đợt xuất thực hiện khi thiết bị có độ lệch không nằm trong khoảng giới hạn cho phép.

- Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, bảo trì:

➢ Các thiết bị hóa lý thông thường, thiết bị liên quan đến lĩnh vực nhiệt, khối lượng sẽ được hiệu chuẩn tại Viện đo lường Việt Nam, phòng kiểm chuẩn thiết bị của CEM, hoặc các đơn vị có tư cách pháp nhân đã đăng ký hoạt động và được công nhận trong lĩnh vực hiệu chuẩn.

CHƯƠNG III: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Kết quả đo đạc, phân tích, giám sát môi trường định kỳ Đợt 3 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. được tổng hợp trong các kết quả phân tích.

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Quá trình thực hiện quan trắc được thực hiện theo đúng quy trình, quy định của TCVN và QCVN hiện hành.

Kết quả quan trắc đảm bảo tính trung thực, chính xác và khoa học.

• Kết quả đo phân tích nước thải:

+ Kết quả quan trắc môi trường nước thải đợt 3 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. các hàm lượng chỉ tiêu đã phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo

QCVN 40:2011/BTNMT. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp,

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

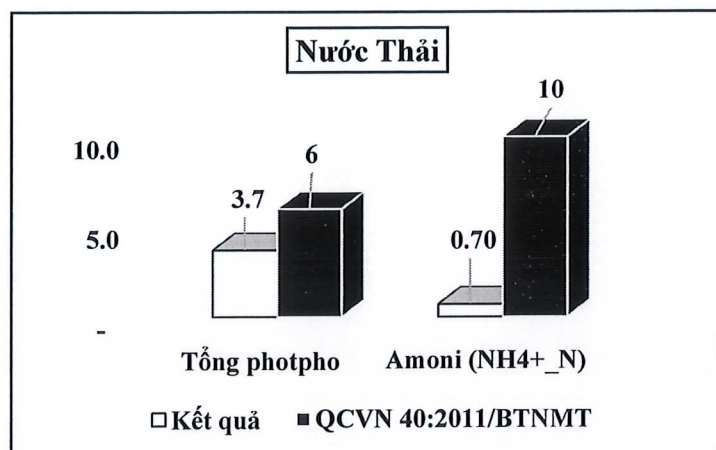
(*)Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 288.

Kết quả phân tích nước thải cơ sở 1 Đợt 3 năm 2023 được thể hiện qua bảng sau:

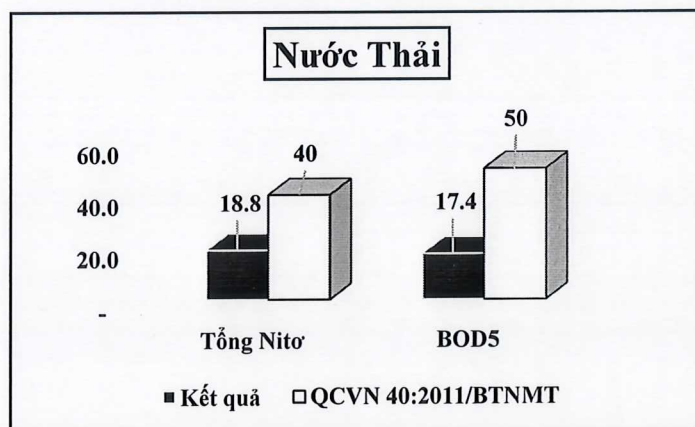
TT	Thông số	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
		NT1	Cột B
1	BOD ₅ (20°C)	17,4	50
2	COD	37,8	150
3	TSS	16,5	100
4	Dầu, mỡ khoáng	<0,9 ^(a)	10
5	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	0,70	10
6	Tổng Nitơ	18,8	40
7	Tổng Photpho	3,7	6
8	Clo dư	KPH (LOD = 0,3)	2

➤ Ghi chú:

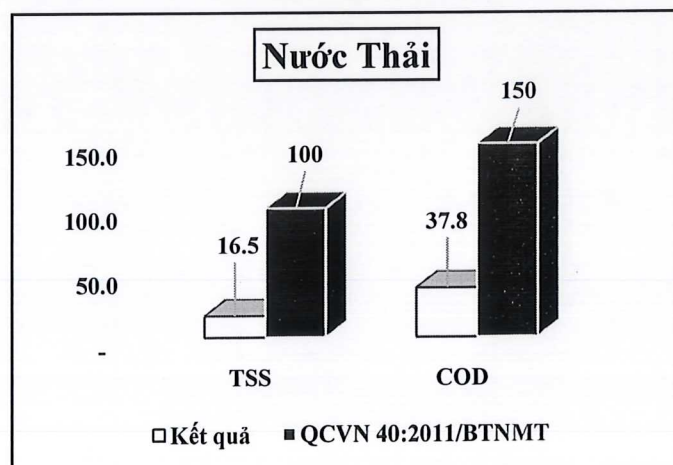
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử
- ^(a)Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử.



**Biểu đồ 1: kết quả phân tích chất lượng nước thải Đợt 3 năm 2023
(Tổng Photpho, Amoni (NH₄⁺_N))**



**Biểu đồ 2: kết quả phân tích chất lượng nước thải Đợt 3 năm 2023
(Tổng Nito, BOD₅)**



**Biểu đồ 3: kết quả phân tích chất lượng nước thải Đợt 3 năm 2023
(TSS, COD)**

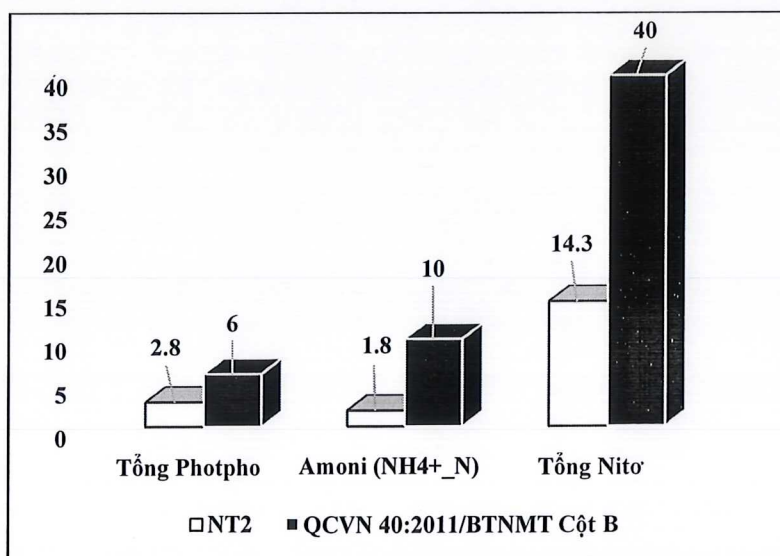
Kết quả phân tích nước thải cơ sở 2 Đợt 3 năm 2023 được thể hiện qua bảng sau

p	Thông số	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	
		NT2	Cột A	Cột B
1	Lưu lượng	2,4	-	-
2	Nhiệt độ	29,2	40	40
3	Độ màu	20,3	50	150
4	pH	6,6	6 – 9	5,5 - 9
5	BOD ₅ (20°C)	9,7	30	50
6	COD	20,4	75	150
7	TSS	22,5	50	100
8	As	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
9	Hg	KPH (LOD=0,001)	0,005	0,01
10	Pb	0,012	0,1	0,5
11	Cd	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
12	Cr VI	<0,009 ^(a)	0,05	0,1
13	Crom III (Cr ³⁺)*	KPH (MDL=0,055)	0,2	1
14	Cu	0,16	2	2
15	Zn	KPH (LOD=0,03)	3	3
16	Ni	<0,09 ^(a)	0,2	0,5
17	Mn	KPH (LOD=0,03)	0,5	1
18	Fe	<0,09 ^(a)	1	5
19	Tổng phenol	KPH (LOD=0,003)	0,1	0,5
20	Tổng dầu, mỡ khoáng	<0,9 ^(a)	5	10
21	Sunfua	<0,15 ^(a)	0,2	0,5
22	Florua	KPH (LOD=0,3)	5	10
23	Xyanua (CN-)	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
24	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	1,8	5	10
25	Tổng Nito	14,3	20	40

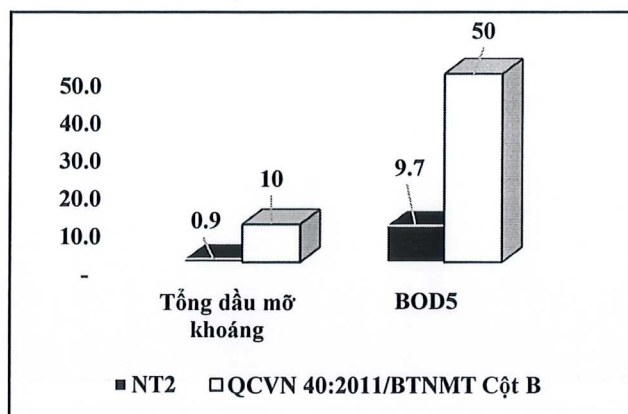
p	Thông số	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	
		NT2	Cột A	Cột B
26	Tổng Photpho	2,8	4	6
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(e)	KPH (MDL=0,007)	50	100
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(f)	KPH (MDL=0,002)	300	1000
29	Tổng PCB ^(g)	KPH (MDL=0,001)	0,003	0,01
30	Tổng hoạt độ phóng xạ α^*	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,1
31	Tổng hoạt độ phóng xạ β^*	KPH (MDL=0,25)	1,0	1,0
32	Clo dư	KPH (LOD=0,3)	1	2
33	Coliform	1700	3.000	5.000

➤ **Ghi chú:**

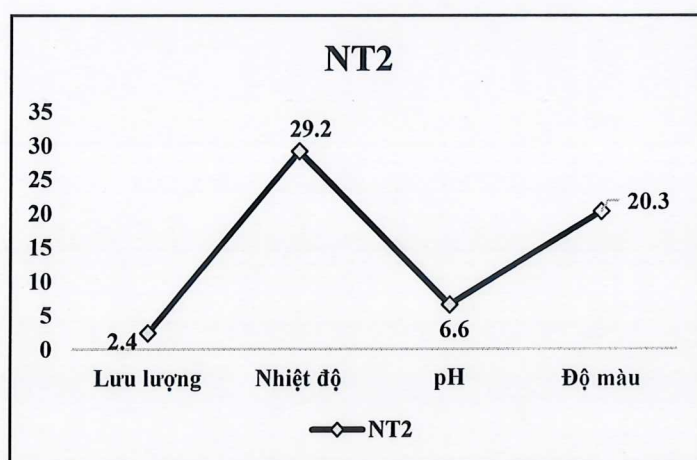
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- ^(a)Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- ^(*)Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 288;
- e): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT;
- f): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ trả dựa tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT;
- (g): Tổng hàm lượng các hóa chất PCBs trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT



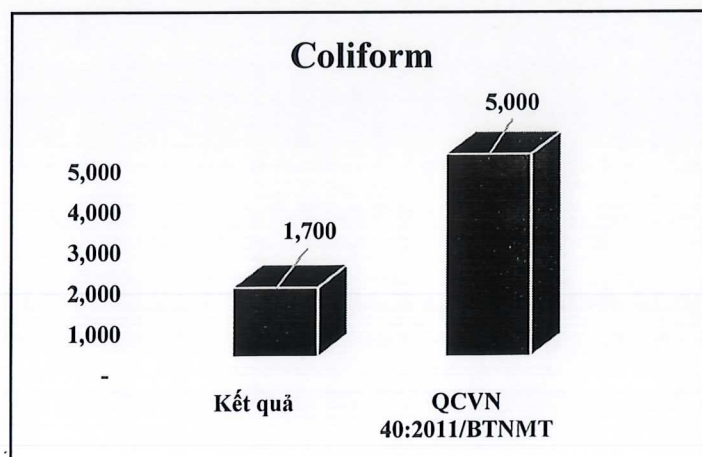
Biểu đồ 4: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 3 năm 2023:
(Tổng Photpho, Amoni (NH₄⁺-N), Tổng Nito)



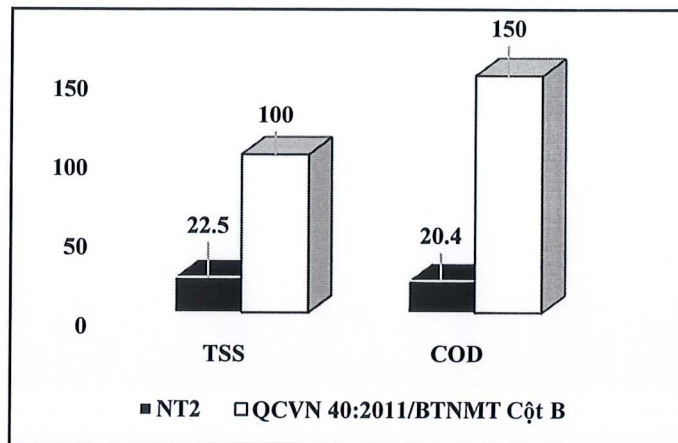
Biểu đồ 5: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 3 năm 2023:
(Tổng dầu mỡ khoáng, BOD₅)



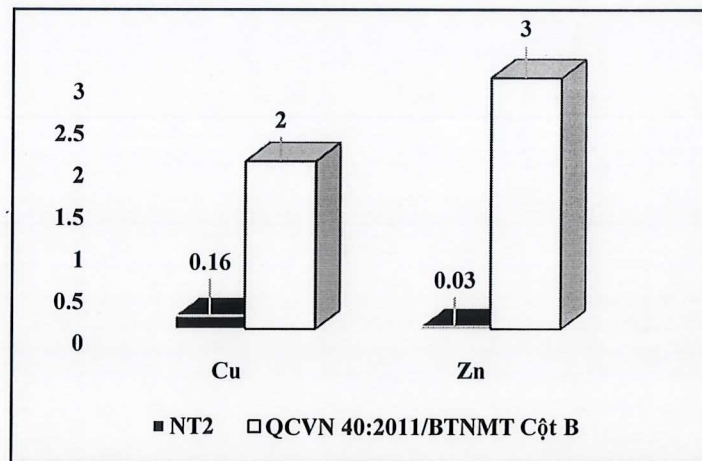
Biểu đồ 6: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 3 năm 2023
(Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, Độ màu)



Biểu đồ 7: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 3 năm 2023:
(Coliform)



**Biểu đồ 8: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 3 năm 2023:
(TSS, COD)**



**Biểu đồ 9: kết quả phân tích chất lượng nước thải đợt 3 năm 2023:
(Cu, Zn)**

✓ **Môi trường khí thải:**

+ Kết quả quan trắc môi trường khí thải Đợt 3 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh Daiki Aluminium các hàm lượng chỉ tiêu đã phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, **Cột B:**

(*)Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 251

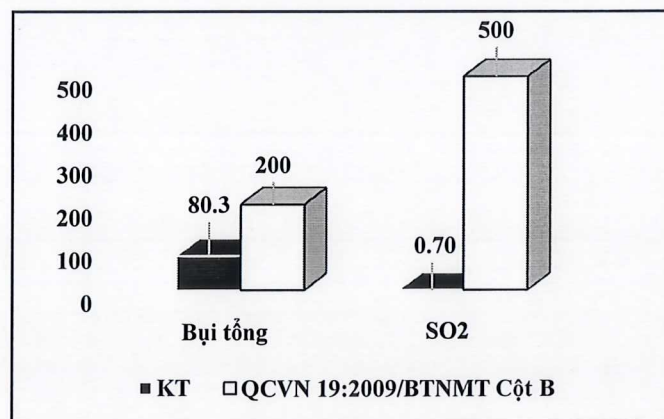
Kết quả khí thải đợt 3 được thể hiện qua bảng sau:

TT	Thông số	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
		KT	Cột B
1	Nhiệt độ	89	-
2	Áp suất	1010,19	-
3	Lưu lượng	22389	-
4	Bụi tổng	80,3	200
5	CO	279,8	1000

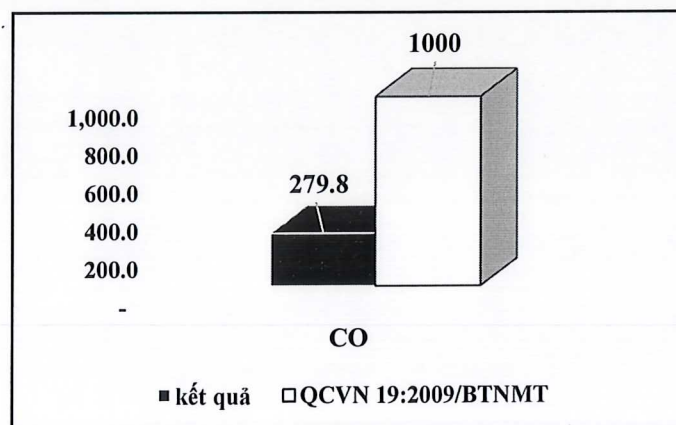
TT	Thông số	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
		KT	Cột B
6	SO ₂	0,70	500
7	NO ₂	0	850
8	O ₂	19,56	-
9	Bụi silic*	KPH (MDL = 0,5)	200
10	Cu	0,32	10
11	Zn	0,24	30
12	Pb	KPH (LOD = 0,05)	5

➤ **Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- '-': Không quy định trong QCVN 19:2009/BTNMT.;



**Biểu đồ 10: kết quả phân tích chất lượng khí thải đợt 3 năm 2023:
(Bụi tổng, SO₂)**



**Biểu đồ 11: kết quả phân tích chất lượng khí thải đợt 3 năm 2023:
(CO)**

CHƯƠNG IV: NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QA/QC ĐỢT QUAN TRẮC

4.1. Kết quả QA/QC hiện trường.

- + Thực hiện đầy đủ các quy định về thiết kế chương trình quan trắc môi trường.
- + Bảo đảm đáp ứng mục đích sử dụng số liệu, thời gian, tần suất, thành phần và thông số quan trắc hợp lý, tối ưu.
- + Tuân thủ các quy định về quy trình, phương pháp cho từng thành phần và thông số môi trường cần quan trắc.
- + Thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung.
- + Xác định quy trình lấy mẫu, thể tích mẫu cần lấy, loại dụng cụ chứa mẫu, loại hóa chất bảo quản, thời gian lưu mẫu, loại mẫu và số lượng mẫu kiểm soát chất lượng.
- + Lập danh mục và kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị hiện trường và các thiết bị phòng thí nghiệm, bao gồm cả thiết bị, dụng cụ, phương tiện bảo đảm an toàn lao động.
- + Số lượng mẫu QC hiện trường bằng 10% tổng số lượng mẫu
- + Quá trình quan trắc được đảm bảo chất lượng (QA) từ quá trình thiết kế chương trình quan trắc đến quá trình lấy mẫu hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm. Tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường.

4.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

Mẫu lập được đánh giá bằng cách tính toán độ lệch chuẩn (SD) và độ lệch chuẩn tương đối (RSD%); chuẩn mực chấp nhận của RSD <30%

- Mẫu chuẩn được đánh giá bằng cách tính toán% phục hồi (R) và tiêu chí chấp nhận của R là trong khoảng từ 90 đến 110%
- Mẫu trắng được đánh giá bằng cách đo và tiêu chí chấp nhận kết quả là thấp hơn so với giới hạn phát hiện của phương pháp.

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

- Việc thực hiện đợt quan trắc đảm bảo về tiến độ và thời gian thực hiện, mức độ và kết quả áp dụng QA/QC trong quan trắc theo đúng quy định hiện hành.

- Các biện pháp xử lý nước thải, giảm thiểu ô nhiễm khí được thực hiện thường xuyên, đạt hiệu quả, đảm bảo môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ Đợt 3 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium. có thể kết luận như sau.

Nước thải:

Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong các mẫu nước thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép theo:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Khí thải:

Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép với quy chuẩn:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (**Cột B**).

5.2. Kiến nghị

Kính đề nghị các cơ quan quản lý có sự quan tâm và chỉ đạo hướng dẫn để Công ty thực hiện ngày một tốt hơn nữa trong công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI: PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1..1 Tên cơ sở: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.(cơ sở 1)

1. Đại diện: Bà Trần Ngọc Lan. Chức vụ: Giám đốc
2. Địa chỉ: Đường số 8, KCN Bình Xuyên, Xã Sơn Lôi, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Diện tích khuôn viên: 7507m².
4. Ngành nghề hoạt động: Tái chế nhôm phế thải.
5. Số lượng cán bộ và công nhân viên: 52 người.
6. Tình trạng lập báo cáo quan trắc: Công ty thực hiện đúng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
7. Tình trạng hệ thống xử lý nước thải, khí thải: Hoạt động bình thường.

1.2 Tên cơ sở: Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Môi Trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium(cơ sở 2)

8. Đại diện: Bà Trần Ngọc Lan. Chức vụ: Giám đốc
9. Địa chỉ: Địa chỉ: Đường số 3, KCN Bình Xuyên, Thị Trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên,Tỉnh Vĩnh Phúc.
10. Diện tích khuôn viên: 10.200 m².
11. Ngành nghề hoạt động: Tái chế nhôm phế thải.
12. Tình trạng lập báo cáo quan trắc: Công ty thực hiện đúng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
13. Tình trạng hệ thống xử lý nước thải: Hoạt động bình thường.

PHỤ LỤC 2
- TỔNG HỢP BIÊN BẢN LẤY MẪU
- KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỢT 3 NĂM 2023
- QUYẾT ĐỊNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com - Tel: 0898.930.888

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 233

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi ...8... giờ ...00..., ngày ...18... tháng ...9... năm 2023

Tại: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium.....

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.....

Các bên tham gia gồm:

I. ĐẠI DIỆN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUYỆT MINH 2 DAIKI ALUMINIUM

1. Ông (bà): Nguyễn Quang Nam Chức vụ: CSMT

2. Ông (bà): Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

IV. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

1. Ông (bà): Nguyễn Đức Hùng Chức vụ: NVQT

2. Ông (bà): Chức vụ: NVQT

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

V. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Độc nắng

VI. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

Công suất hoạt động ($\geq 50\%$) hoạt động bình thường

VII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU:

TT	Ký hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
1	KT	Khí thải lò nhôm	<u>Thoát</u>	<u>2352836</u> <u>569407</u>
2	NT1	Mẫu nước thải cơ sở 1	<u>nt</u>	<u>2352820</u> <u>569447</u>
3	NT2	Mẫu nước thải cơ sở 2	<u>nt</u>	<u>2352023</u> <u>569427</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT***Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.**Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com - Tel: 0898.930.888***GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 233**

TT	Ký hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số	Tọa độ
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

LẤY MẪU BẢO QUẢN – MẪU NƯỚC

Điều kiện BQ	Kí hiệu mẫu		Lượng mẫu bảo quản (lít)			
	NH	NH ₃				
Bảo quản lạnh	2,0	2,0				
Bảo quản bằng H ₂ SO ₄	1,0	2,0				
Bảo quản bằng HNO ₃	—	1,0				
Bảo quản bằng NaOH	—	—				
Bảo quản bằng HCl	1,0	1,0				
Bảo quản lạnh, vi sinh 1-5°C	100ml	100ml				
Bảo quản kẽm axetat, thêm NaOH, pH > 9,0	—	1,0				
Bảo quản thêm dd formaldehyt	—	—				

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT***Địa chỉ: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.**Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com - Tel: 0898.930.888***GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 233**

Phương pháp bảo quản: TCVN 6663-3:2016	Dụng cụ chứa mẫu	
	Chai thủy tinh (G)	Chai nhựa (PPE)
- Mẫu được bảo quản lạnh, vi sinh	☒	☒
- Kiểm hóa NaOH, pH > 12	☐	☐
- Kim loại: Axít hóa HNO ₃ , pH < 2	☐	☒
- Axít hóa H ₂ SO ₄ , pH < 2	☒	☒
- Axít hóa HCl, pH < 2	☐	☐
- Bảo quản kẽm axetat, thêm NaOH, pH > 9,0	☐	☐
- Bảo quản thêm dd formaldehyt	☐	☐

IX: LƯU MẪU (Đối với mẫu nước và mẫu đất):

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không (mẫu lưu được dán niêm phong có xác nhận của các bên tham gia):

Có ☐ Không ☒Cơ sở có lấy mẫu đối chứng hay không: Có ☐ Không ☒

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào hồi ... giờ, ... phút, ngày ... tháng ... năm 2023 và kết thúc hồi ... giờ, ... phút, ngày ... tháng ... năm 2023

Biên bản gồm ... trang, được lập thành ... bản có chữ ký xác nhận và được giao cho các bên tham gia.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN
MINH 2/DAIKI ALUMINIUM****ĐẠI DIỆN**

.....

...

ĐẠI DIỆN**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU**



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0898.930.888 <https://moitruongvinhphat.com/>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa,
Đông Anh, Hà Nội
Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang,
Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

Số 2023/VP/0778-1.....

Trang: 1/1.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Địa chỉ : KCN Bình Xuyên, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước Thải :
0778-1: NT1: Mẫu nước thải cơ sở 1
Ngày lấy mẫu : 18/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 18/09/2023 – 30/09/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT1	Cột B
1	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	17,4	50
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	37,8	150
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	16,5	100
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9 ^(a)	10
5	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,70	10
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	18,8	40
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	3,7	6
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD = 0,3)	2

Ghi chú:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử.

- ^(a) Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Q. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phùng Ngọc Hải

Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0898.930.888 <https://moitruongvinhphat.com/>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa,
Đông Anh, Hà Nội
Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang,
Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

Số: 2023/VPH/0778-2.....

Trang: 1/2.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Địa chỉ : KCN Bình Xuyên, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước Thải :
0778-2: NT2: Mẫu nước thải Cơ sở 2
Ngày lấy mẫu : 18/09/2023
Thời gian thử nghiệm : 18/09/2023 – 30/09/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT2	Cột A	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	SOP/MTVP/HT02	2,4	-	-
2	Nhiệt độ	°C	SMEW 2550B:2017	29,2	40	40
3	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	20,3	50	150
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,6	6 – 9	5,5 – 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	9,7	30	50
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	20,4	75	150
7	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	22,5	50	100
8	As	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
9	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,001)	0,005	0,01
10	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,012	0,1	0,5
11	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,05	0,1
12	Cr VI	mg/L	SMEWW 3500 Cr-B:2017	<0,009 ^(a)	0,05	0,1
13	Crom III (Cr ³⁺)*	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	KPH (MDL=0,055)	0,2	1
14	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,16	2	2
15	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	3	3
16	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	<0,09 ^(a)	0,2	0,5
17	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,03)	0,5	1
18	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,09 ^(a)	1	5
19	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,1	0,5
20	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,9 ^(a)	5	10
21	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,15 ^(a)	0,2	0,5
22	Florua	mg/L	SMEWW 4500 F-B&D:2017	KPH (LOD=0,3)	5	10
23	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,003)	0,07	0,1
24	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,8	5	10

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



S^ố 2023/VP/0778-3.....

Trang 2/2.....

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT2	Cột A	Cột B
25	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	14,3	20	40
26	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,8	4	6
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(e)	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,007)	50	100
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(f)	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,002)	300	1000
29	Tổng PCB ^(g)	mg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,001)	0,003	0,01
30	Tổng hoạt độ phóng xạ α [*]	Bq/L	TCVN 8879:2011 + TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,1
31	Tổng hoạt độ phóng xạ β [*]	Bq/L	TCVN 8879:2011 + TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,25)	1,0	1,0
32	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,3)	1	2
33	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	1700	3.000	5.000

Ghi chú:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử.

- ^(a) Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử.

- ^(*) Thông số được ban hành bởi nhà thầu phụ Vimcerts 288.

- (e): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT;

- (f): Tổng hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ trả dựa tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT;

- (g): Tổng hàm lượng các hóa chất PCBs trả dựa trên tổng giá trị các cấu tử được công nhận trong QĐ 2544/QĐ-BTNMT;

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Q.TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Phùng Ngọc Hải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số.No.VP/20230928/TN4-12533

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
Địa chỉ - Address	: Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến Công ty TNHH Thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 Daiki Aluminium
Loại mẫu/Kí hiệu mẫu: Type/Sign of Sample:	Khí thải 0778-3: KT: Khí thải lò nhôm
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	23/09/2023

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 23/09/2023

Ngày trả kết quả - Results date: 28/09/2023

TT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Result
					0778-3
1	Bụi Silic	US EPA METHOD 5 + NIOSH METHOD 7603 + NIOSH METHOD 7602	mg/Nm ³	0,5	KPH

Ghi chú - Remark:

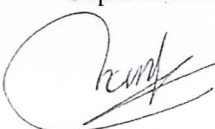
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT&PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT&PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Quản lý chất lượng
QA/QC


Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by


Vũ Thị Thanh Nga



Giám đốc
Director


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 751 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc



môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát”, địa chỉ tại thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 233/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 233) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

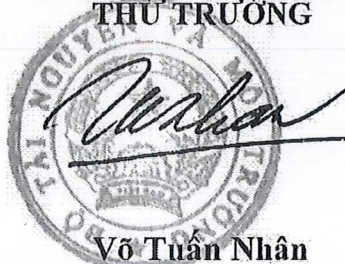
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Số: 2544 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần môi trường Đại Nam;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với đối Công ty cổ phần môi trường Đại Nam;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "**Công ty cổ phần môi trường Đại Nam**", địa chỉ tại Biệt thự số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành Phố Hà Nội, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **288/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 288**) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần môi trường Đại Nam phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần môi trường Đại Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000 -----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 04.01/HĐNT/2022/DAINAM-VP

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/ 2020;
- Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Căn cứ đơn giá quan trắc, phân tích mẫu môi trường của Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại Công ty CP Môi trường Vinh Phát, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Đại diện : Bà Ngô Thị Chang Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 0898930888
Mã số thuế : 0108210122
Tài khoản số : 111002656552, tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Địa chỉ : Biệt thự số 18 BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0109565262
Số tài khoản : 110611616668 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Đống Đa, TP. Hà Nội
Người đại diện : Ông Nguyễn Minh Tuyền Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi trao đổi và bàn bạc, hai bên chúng tôi đã cùng nhau thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A ký hợp đồng nguyên tắc với bên B về thực hiện dịch vụ Quan trắc và phân tích mẫu môi trường. Phạm vi dịch vụ bao gồm:

Bên A thuê bên B quan trắc, đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại các cơ sở theo yêu cầu.



Các chỉ tiêu quan trắc, đo đạc và phân tích của từng đợt do bên A xác định được thực hiện theo yêu cầu và thanh toán theo khối lượng thực tế trong biên bản nghiệm thu và thanh lý từng đợt của hợp đồng.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM BÀN GIAO

1. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện theo yêu cầu và thỏa thuận của hai bên cho phù hợp thực tế.
- Khi có yêu cầu quan trắc và phân tích mẫu môi trường bên A thông báo trước cho bên B trước 48h để bên B chuẩn bị nhân lực và thiết bị.

2. Sản phẩm bàn giao

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng môi trường (bản gốc).

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng

Hợp đồng sẽ được thanh toán theo từng đợt quan trắc và phân tích mẫu môi trường dựa trên nội dung công việc (ngày công, vật tư, ca xe đi lấy mẫu và số lượng mẫu thực tế) mà bên B thực hiện quan trắc và phân tích theo yêu cầu mà bên A đã gửi cho bên B (Báo giá từng đợt cụ thể bên B sẽ gửi theo yêu cầu của bên A).

2. Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán kinh phí cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Bên A sẽ thanh toán cho bên B sau khi nhận được đầy đủ phiếu kết quả và hóa đơn. Thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được các chứng từ hợp lệ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của bên A

Cử cán bộ theo dõi, giám sát quá trình quan trắc, đo đạc của bên B cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

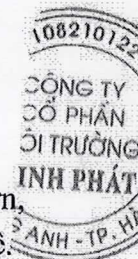
Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện công tác quan trắc, đo đạc, lấy mẫu.

Thanh toán đầy đủ chi phí phục vụ quan trắc, đo đạc và phân tích cho bên B theo đúng lịch trình.

2. Trách nhiệm của bên B:

Thực hiện đúng nội dung công việc như đã đề ra trong Hợp đồng này.

Thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu đúng quy trình kỹ thuật theo quy định hiện hành cho các đối tượng mẫu.



Trả kết quả phân tích mẫu đúng số lượng và thời gian quy định (10 ngày kể từ ngày lấy mẫu hoặc nhận mẫu); Giải đáp mọi thắc mắc về kết quả phân tích cho bên A khi có yêu cầu.

Cung cấp hóa đơn VAT cho bên A theo đúng giá trị thực hiện.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

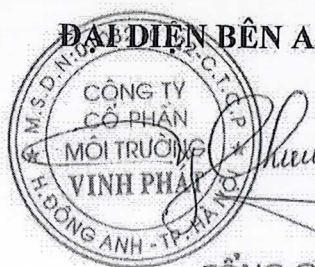
Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong Hợp đồng đã ký.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ thống nhất bàn bạc và giải quyết với nhau bằng văn bản trên tinh thần hợp tác hỗ trợ lẫn nhau. Mọi bổ sung hoặc thay đổi Hợp đồng phải được hai bên nhất trí bằng văn bản và được coi như phụ lục không thể tách rời của bản hợp đồng này. Bên nào đơn phương thay đổi, không tuân theo các điều khoản của Hợp đồng, làm thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường theo pháp luật hiện hành.

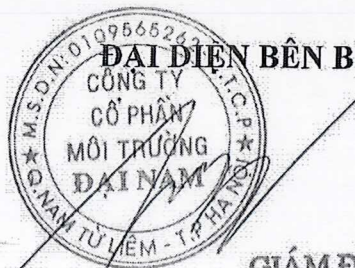
Trường hợp có vấn đề vướng mắc mà hai bên không tự giải quyết được, hai bên thống nhất sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân TP. Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa án Tòa án là phán quyết cuối cùng.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường hợp có sự thay đổi thì hai bên sẽ thống nhất ký bổ sung phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Chang



GIÁM ĐỐC
ThS. *Nguyễn Minh Lý*

10

Số: 08 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia

Địa chỉ: Ô số 2, D47, Liền kề 5, Khu D Geleximco Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0338572255

Email: nguyengiaentechco@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 251**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

4. Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ môi trường Nguyễn Gia;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ
THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

---o0o---

Số: 0102/2023/HĐKT/MTVP-NG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2023

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 0102/2023/HĐKT/MTVP-NG
V/v: thực hiện các dịch vụ môi trường

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ yêu cầu của Công ty cổ phần môi trường Vinh Phát và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia.
- Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2023. Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Đại diện : Ngô Thị Chang Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Thôn Mạch Tràng, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội

VPGD: Tầng 3 công ty CP phát triển Hạ Tầng Vĩnh Phúc, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

Điện thoại : 0989 930 888

Tài khoản số : 111.0026.56552 tại ngân hàng Vietinbank _ CN Vĩnh Phúc

Mã số thuế : 0108210122

**BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

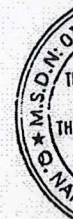
Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Hưng Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 9, Tổ dân phố số 2, P. Phú Đô, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

VPGD: Ô 02, Lô D47, Khu D, KĐTMT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0106099535

Số tài khoản: 11102081985 - tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Hà Nội



0.1

Điện thoại: 0338572255

Sau khi bàn bạc, hai bên đã đi đến thống nhất hợp đồng được quy định tại các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: Nội dung công việc

- Bên A thuê bên B thực hiện việc lấy mẫu quan trắc, phân tích mẫu theo yêu cầu của bên A (phụ lục kèm theo), cụ thể :

+ Phân tích các mẫu môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm, chất thải, khí làm việc, khí thải... mà bên B có đủ năng lực thực hiện.

- Trong trường hợp các thông số mà Bên B chưa thực hiện được thì Bên A chấp nhận Bên B sử dụng nhà thầu phụ đã được chứng nhận để thực hiện.

ĐIỀU 2: Giá trị hợp đồng

3.1. Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%: **145.420.000 đồng**;

(Bằng chữ: một trăm bốn lăm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Trong đó: + Giá trị trước thuế là : 132.200.000 đồng.

+ Thuế VAT 10% là : 13.226.000 đồng.

- Giá trị hợp đồng nêu trên là giá trị tạm tính, giá trị thanh toán hợp đồng chính thức sẽ căn cứ theo giá trị nghiệm thu quyết toán giữa hai bên sau khi hoàn thành nhiệm vụ và có đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

- Nếu có khối lượng phát sinh thì bên A và bên B cùng nhau lập hồ sơ khối lượng phát sinh và bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị phát sinh.

3.2 Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

3.3. Căn cứ để thanh toán:

- Bên B hoàn tất công việc lấy mẫu môi trường theo yêu cầu bên A.

- Phiếu kết quả quan trắc môi trường.

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính theo tháng hoặc theo thực tế từng lần nghiệm thu.

3.4. Thời hạn thanh toán:

Bên A thanh toán sau khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điểm 3.3 Khoản này.

3.5. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản ngân hàng.

- Đơn vị hưởng lợi: Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật, Thiết bị và Công nghệ Môi trường Nguyễn Gia

- Số tài khoản: 0011004227832

- Tại ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank Sở giao dịch Hà Nội.

ĐIỀU 3: Trách nhiệm của hai bên

Bên A:

✓

- Cung cấp mẫu cho bên B, kèm theo các chỉ tiêu chỉ tiêu cần kiểm tra.
- Nhận kết quả phân tích mẫu và sử dụng kết quả phân tích mẫu cho công việc của mình.
- Thanh toán đầy đủ phí phân tích cho bên B.

Bên B:

- Bên B nhận mẫu và tiến hành phân tích các mẫu do bên A gửi và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá đối với mẫu được gửi. Lượng mẫu do bên A cung cấp sẽ được bên B lấy ra một phần để kiểm tra, một phần còn lại để lưu. Phần mẫu lưu này được niêm phong và lưu giữ tại phòng thí nghiệm của bên B trong thời gian tối đa là 30 ngày. Sau thời gian trên, nếu không có ý kiến khác của bên A, mẫu lưu này sẽ tự động được hủy.

- Bên B trả cho bên A các phiếu kết quả phân tích theo các nội dung đã được thỏa thuận về các chỉ tiêu cần kiểm tra của mẫu, có ký tên của người có thẩm quyền và đóng dấu và nhận đủ số tiền theo thỏa thuận.

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

ĐIỀU 4: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của các bên nhất trí ký tên đóng dấu và sẽ hết hiệu lực sau khi hai bên đã hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 5: Các điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản nêu trên của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, hai bên sẽ thông báo cho nhau và cùng nhau bàn bạc để giải quyết trên tinh thần hỗ trợ nhau.

- Trường hợp có vấn đề vướng mắc mà hai bên không tự giải quyết được, hai bên thống nhất sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân TP. Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa án Tòa án là phán quyết cuối cùng.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.


ĐẠI DIỆN BÊN A
 NGƯỜI TRƯỞNG
 NGUYỄN GIA
 Ngô Thị Chang


ĐẠI DIỆN BÊN B
 NGƯỜI TRƯỞNG
 NGUYỄN GIA
 Nguyễn Ngọc Hưng

ĐƠN
CỘNG
HÒA
VĂN
HÓA
MÔI
TRƯỜNG

